

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/DS-PT

Ngày: 17/01/2024

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Nhân

Các Thẩm phán: Ông Dương Viết Hải và bà Từ Thị Hải Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình: Bà Lê Thị Phương Nhung – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 17 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 81/2023/TLPT- TC ngày 14 tháng 11 năm 2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4995/2023/QĐ-PT ngày 06/12/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Thôn x, xã Q, huyện Q T, tỉnh Quảng Bình. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã BĐ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

Người đại diện ủy quyền của bị đơn: Anh Phạm Minh T, sinh năm 1993. Nơi cư trú: phường Y, quận C, thành phố Hà Nội. Nơi ở: Số 02 NBK, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội. Có đơn xin xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Nguyễn Xuân P, nơi cư trú: Tổ dân phố 2, phường Q, thị xã BĐ, tỉnh Quảng Bình. Có đơn xin xử vắng mặt

3.2. Chị Nguyễn Thị Ánh D, nơi cư trú: Tổ dân phố TM, phường QP, thị xã BĐ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa phía nguyên đơn chị Hoàng Thị Thu trình bày:

Chị có quan hệ quen biết làm ăn với anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1993, trú tại tổ dân phố T, phường Q, thị xã BĐ, tỉnh Quảng Bình. Do đó, đầu tháng 12 năm 2022 anh L có nhắn tin và gọi điện vay mượn chị số tiền là 2.550.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng) giải quyết công việc cá nhân. Anh L hẹn chỉ mượn một ngày sau đó sẽ trả lại cho chị. Do tin tưởng anh L là người có uy tín và có mối quan hệ làm ăn bất động sản chung với nhau nên sau khi thỏa thuận thì chị có vay mượn thêm bạn bè rồi chuyển tiền cho anh L mượn, gửi qua tài khoản Ngân hàng cho anh L, số tiền được gửi vào tài khoản 97651888..., tên thụ hưởng Nguyễn Văn L, Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (VCB).

Sau hơn một ngày chị có liên lạc với anh L để lấy lại số tiền đã cho mượn nhưng anh L không trả với lý do là đã cho người khác mượn để đáo hạn Ngân hàng và hẹn chị tới ngày 23/12/2022 sau khi lấy được tiền ở Ngân hàng sẽ trả lại cho chị. Đến ngày 24/12/2023 chị tiếp tục liên lạc thì anh L vẫn lấy lý do là đã cho người khác vay nên không có tiền để trả. Sau đó, anh L cắt đứt liên lạc hoàn toàn, chị có tìm tới nhà riêng của anh L để nói chuyện nhưng anh L vẫn trốn tránh và không chịu trả lại số tiền đã vay mượn của chị.

Nay chị làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn giải quyết buộc anh Nguyễn Văn L, trả lại cho chị toàn bộ số tiền gốc mà anh L đã vay mượn là 2.550.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng).

- Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền bị đơn anh Phạm Minh T trình bày: Đầu tháng 12/2022, bị đơn được anh Trần Nhật T (là bạn bè lâu năm trước đó) hỏi vay tiền. Vì là chỗ bạn bè quen biết lâu năm, cũng mong muốn giúp được anh T nhưng bị đơn không có tiền, việc này bị đơn cũng không dám hỏi vợ để vay tiền đưa cho anh T vì vợ bị đơn không biết anh T là ai, cho nên chắc chắn sẽ không cho người lạ vay, đồng thời thời điểm đó vợ chồng bị đơn cũng đang mâu thuẫn về chuyện tình cảm. Thời điểm đó, bị đơn có mối quan hệ tình cảm không trong sáng với nguyên đơn (trên mức bạn bè), nên bị đơn đã hỏi riêng nguyên đơn vay tổng số tiền 2.550.000.000 đồng để đưa anh T mượn theo việc. Tuy nhiên, vay được một thời gian ngắn thì anh T bị công an thành phố Đồng Hới khởi tố và bắt tạm giam về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nên bị đơn chưa thể lấy lại được tiền ngay để trả cho nguyên đơn, dẫn đến việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền trên.

Đúng là đầu tháng 12/2022, bị đơn (anh Nguyễn Văn L) có vay của nguyên đơn (chị Hoàng Thị T) số tiền 2.550.000.000 đồng như chị T đã trình bày, tuy nhiên, sau nhiều lần bị nguyên đơn và người nhà nguyên đơn gọi điện, nhắn tin, đến tận nhà gây ồn ào tạo sức ép, bị đơn đã dùng tài sản riêng của mình và ½ tài sản của vợ chồng bị đơn để gán trả nợ cho nguyên đơn, số tiền còn thiếu thì bị đơn xin được trả dần trong thời gian tới. Cụ thể: Bị đơn đã nhờ vợ, cùng với mình đã ký các hợp đồng chuyển nhượng để chuyển sang cho anh Nguyễn Xuân P đứng tên 04 sổ đỏ (04 thửa đất), anh P là người do nguyên đơn chỉ định đứng tên để được chuyển nhượng sổ đỏ), sau khi sang tên thì vợ bị đơn vẫn được quyền sở hữu, sử dụng ½ giá trị của 02 trong 04 sổ đỏ đã sang tên đó, cụ thể bao gồm các thửa đất sau:

Vào ngày 26/12/2022, đã ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 732, tờ bản đồ 8, địa chỉ tại: Thôn Pháp Kê, xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình; căn cứ theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số: DG 050978, số vào sổ cấp GCN: CH05288 do UBND huyện Quảng Trạch cấp ngày 08/7/2022. (dưới đây gọi tắt “Lô Pháp Kê”); vào ngày 26/12/2022, đã ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 298, tờ bản đồ 83, địa chỉ tại: Thôn Tú Loan 1, xã Quảng Hưng, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình; căn cứ theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số: DH 576108, số vào sổ cấp GCN: CS03770 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 02/11/2022. (dưới đây gọi tắt “Lô Tú Loan 1a”); vào ngày 26/12/2022, đã ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 300, tờ bản đồ 83, địa chỉ tại: Thôn Tú Loan 1, xã Quảng Hưng, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình; căn cứ theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số: DH 572545, số vào sổ cấp GCN: CS03772 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 02/11/2022. (dưới đây gọi tắt “Lô Tú Loan 1b”); vào ngày 04/01/2023, đã ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 183, tờ bản đồ 61, địa chỉ tại: Thôn Hưng Lộc, xã Quảng Hưng, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình; căn cứ theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số: DG 050040, số vào sổ cấp GCN: CS03329 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 25/5/2022. (dưới đây gọi tắt “Lô Hưng Lộc”). Về giá trị của các lô đất nêu trên (theo giá thị trường tại thời điểm đó có người trả giá):

1. Lô Pháp Kê có trị giá: 1.000.000.000 đồng, Vợ bị đơn được quyền hưởng ½ giá trị thửa đất là 500.000.000 đồng.
2. Lô Tú Loan 1a có giá trị: 550.000.000 đồng

3. Lô Tú Loan 1b có giá trị: 550.000.000 đồng

4. Lô Hưng Lộc có giá trị: 1.670.000.000 đồng, trong đó có 8 chủ sở hữu, sử dụng, định đoạt gồm: Vợ chồng bị đơn, T, L, H, P, A, Trang A, N (trong đó vợ chồng bị đơn sở hữu 1/8 thửa đất) 1/16 giá trị thửa đất (vợ bị đơn sở hữu 1/16 giá trị thửa đất) là 104.000.000 đồng. Đại diện bị đơn không yêu cầu triệu tập những người chung thửa đất để tham gia giải quyết.

Như vậy, tổng giá trị phần quyền sử dụng đất mà bị đơn đã gán trả nợ cho nguyên đơn tương đương 1.704.000.000 đồng.

Do đó, bị đơn xác định mình đã trả cho nguyên đơn số tiền là: 1.704.000.000 đồng (bằng chữ: một tỷ, bảy trăm linh bốn triệu đồng) và chỉ còn nợ nguyên đơn số tiền là: 846.000.000 đồng (bằng chữ: Tám trăm bốn mươi sáu triệu đồng). Việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 2.550.000.000 đồng là không đúng, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn. Số tiền còn nợ là 846.000.000 đồng bị đơn xin nguyên đơn được trả dần trong thời gian tới vì hiện tại bị đơn đang rất khó khăn, chi phí của bị đơn cũng đang bị bệnh ung thư nên chi phí chữa trị rất nhiều, gia đình và bị đơn phải lo tiền thuốc từng ngày để chữa trị nên hiện tại chưa có khả năng để trả nợ cho nguyên đơn.

- Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Xuân P trình bày: Anh và anh Nguyễn Văn L có quan hệ làm ăn buôn bán bất động sản với nhau, việc anh L chị D chuyển nhượng cho anh 04 lô đất là đúng, cụ thể vào ngày 26/12/2022, đã ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 732, tờ bản đồ 8, địa chỉ tại: Thôn Pháp Kệ, xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình; căn cứ theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số: DG 050978, số vào sổ cấp GCN: CH05288 do UBND huyện Quảng Trạch cấp ngày 08/7/2022; Vào ngày 26/12/2022, đã ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 298, tờ bản đồ 83, địa chỉ tại: Thôn Tú Loan 1, xã Quảng Hưng, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình; căn cứ theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số: DH 576108, số vào sổ cấp GCN: CS03770 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 02/11/2022. Vào ngày 26/12/2022, đã ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 300, tờ bản đồ 83, địa chỉ tại: Thôn Tú Loan 1, xã Quảng Hưng, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình; căn cứ theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số: DH 572545, số vào sổ cấp GCN: CS03772 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 02/11/2022; Vào ngày 04/01/2023, đã ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 183, tờ bản đồ 61, địa chỉ tại: Thôn Hưng Lộc, xã Quảng

Hung, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình; căn cứ theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số: DG 050040, số vào sổ cấp GCN: CS03329 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 25/5/2022.

Việc vợ chồng anh L chuyển nhượng cho anh 04 lô đất là hai bên tự nguyện mua bán, không liên quan gì đến chị Hoàng Thị T. Vì vậy anh không liên quan gì đến vụ án, 04 lô đất là của anh. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

- Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Chị Nguyễn Thị Ánh D trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn L (bị đơn) là vợ chồng hợp pháp theo quy định. Tuy nhiên, việc vay mượn tiền giữa anh L và chị Hoàng Thị T (nguyên đơn) chị không được biết, anh L vay tiền của chị T rồi cho bạn bè anh ấy vay chị cũng không biết, chị khẳng định anh L vay tiền từ chị T để sử dụng vào mục đích cá nhân của anh ấy chứ không sử dụng vào mục đích gì cho gia đình chị. Mãi đến sau này, khi chị T đưa người xuống nhà chị đòi nợ thì chị mới biết. Trước đó, chị cũng có biết giữa chồng chị và chị T có mối quan hệ tình cảm không trong sáng, chị đã ngăn cấm chồng liên lạc với chị T, nếu không sẽ ly hôn, cho nên việc vay mượn tiền giữa hai người đó giữ kín và không cho chị biết.

Sau khi sự việc vay mượn bị vỡ lở, chị T và người nhà chị T đến tận nhà chị gây ồn ào tạo sức ép, chị không muốn việc này ảnh hưởng đến danh dự của chị và các con, đồng thời vì chồng cầu xin nên chị đã đồng ý ký các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để chồng chị dùng 2 tài sản của mình là một phần quyền sử dụng đất trong khối tài sản chung của vợ chồng để gán trả nợ cho chị T; theo đó, vợ chồng chị đã ký các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để chuyển sang cho anh Nguyễn Xuân P (Căn cước công dân số 044092014799) đứng tên hợp đồng chuyển nhượng (anh P là người do chị T chỉ định), sau khi sang tên thì chị vẫn được quyền sở hữu, sử dụng phần giá trị trong 02 thửa đất đó, anh Nguyễn Xuân P chỉ đại diện đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể bao gồm các thửa đất sau: Vào ngày 26/12/2022, đã ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 732, tờ bản đồ 8, địa chỉ tại: Thôn Pháp Kê, xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình; căn cứ theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số: DG 050978, số vào sổ cấp GCN: CH05288 do UBND huyện Quảng Trạch cấp ngày 08/7/2022; vào ngày 04/01/2023, đã ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 183, tờ bản đồ 61, địa chỉ tại: Thôn Hưng Lộc, xã Quảng Hưng, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình; căn

cứ theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số: DG 050040, sổ vào sổ cấp GCN: CS03329 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 25/5/2022.

Thửa đất số 732, tờ bản đồ 8, địa chỉ tại: Thôn Pháp Kệ, xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình Thửa đất số 183, tờ bản đồ 61, địa chỉ tại: Thôn Hưng Lộc, xã Quảng Hưng, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình có giá 1.000.000.000 đồng (thửa đất này là của vợ chồng chị); Thửa đất số 183, tờ bản đồ số 61, địa chỉ tại: Thôn Hưng Lộc, xã Quảng Hưng, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình có giá 1.670.000.000 đồng (thửa đất này có 8 chủ sở hữu, sử dụng chung gồm: Vợ chồng chị, T, L, H, P, A, Trang A, N (trong đó vợ chồng bị đơn sở hữu, định đoạt 1/8 thửa đất), chị D không yêu cầu triệu tập những người chung thửa đất này để giải quyết.

Do vậy, đề nghị Quý Tòa khi giải quyết vụ án, phải xác định chị là đồng sở hữu sử dụng hợp pháp đối với hai thửa đất nêu trên.

Tại Bản án số 14/2023/DS-ST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466 và Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/ UBTWQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định “Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị T. Buộc bị đơn anh Nguyễn Văn L phải có nghĩa vụ trả cho chị Hoàng Thị T số tiền 2.550.000.000đ (Hai tỷ, năm trăm, năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 02/10/2023, đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị xem xét sửa Bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án người

tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Về nội dung: Không chấp nhận kháng cáo của đương sự, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngày 25/9/2023 Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn xét xử và ban hành Bản án dân sự sơ thẩm số 145/2023/DS-ST. Ngày 02/10/2023 bị đơn làm đơn kháng cáo đúng trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định tại Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đều vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, riêng chị Nguyễn Thị Ánh D vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do, HĐXX tiến hành xử bút lục theo quy định.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Các bên đương sự đều thừa nhận: tháng 12 năm 2022 anh L có nhắn tin và gọi điện vay mượn chị T số tiền là 2.550.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng). Chị T đồng ý và gửi qua tài khoản Ngân hàng cho anh L, số tiền được gửi vào tài khoản 9765188889, tên thụ hưởng Nguyễn Văn L, Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (VCB) đúng số tiền trên. Đây là sự kiện không cần phải chứng minh.

[2.2]. kháng cáo của bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. HĐXX nhận thấy:

Lời khai của bị đơn thừa nhận nợ 2.500.000.000 đồng của chị T nhưng cho rằng đã trả được số tiền 1.704.000.000 đồng, thông qua việc làm thủ tục chuyển nhượng 04 lô đất để cân trừ nợ cho chị T, cụ thể: (1) ngày 26/12/2022, đã ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 732, tờ bản đồ 8, địa chỉ tại: Thôn Pháp Kệ, xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số: DG 050978, số vào sổ cấp GCN: CH05288 do UBND huyện Quảng Trạch cấp ngày 08/7/2022 (dưới đây gọi tắt “Lô Pháp Kệ”); (2) ngày 26/12/2022, đã ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 298, tờ bản đồ 83, địa chỉ tại: Thôn Tú Loan 1, xã Quảng Hưng, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số: DH 576108, số vào sổ cấp GCN: CS03770 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp

ngày 02/11/2022 (dưới đây gọi tắt “Lô Tú Loan 1a”); (3) ngày 26/12/2022, đã ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 300, tờ bản đồ 83, địa chỉ tại: Thôn Tú Loan 1, xã Quảng Hưng, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số: DH 572545, số vào sổ cấp GCN: CS03772 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 02/11/2022 (dưới đây gọi tắt “Lô Tú Loan 1b”); Vào ngày 04/01/2023, đã ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 183, tờ bản đồ 61, địa chỉ tại: Thôn Hưng Lộc, xã Quảng Hưng, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình; căn cứ theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số: DG 050040, số vào sổ cấp GCN: CS03329 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 25/5/2022 (dưới đây gọi tắt “Lô Hưng Lộc”). Do vậy, hiện nay chỉ còn nợ nguyên đơn số tiền 846.000.000 đồng. Chị Nguyễn Thị Ánh D là vợ của anh L cũng cùng lời khai với anh L.

Tuy nhiên, trong cả 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên không có tên của chị Hoàng Thị T. Không có tài liệu, văn bản nào thể hiện việc anh L chị D dùng 04 tài sản trên để gán nợ cho chị T. Mặc dù anh L khai anh Nguyễn Xuân P là người được chị T chỉ định đứng tên thay chị T trong GCNQSDĐ nhưng anh P phủ nhận anh không liên quan gì đến chị T trong vụ kiện này, còn anh với anh L là quan hệ làm ăn bất động sản nên có nhận chuyển nhượng các thửa đất như anh L khai.

Việc đại diện theo ủy quyền của bị đơn cung cấp 04 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và 01 USB có ký hiệu CDT5 E9 16GB có chứa 04 file ghi âm cuộc trò chuyện giữa chị T và anh L (*Đại diện theo ủy quyền của bị đơn chỉ cung cho Tòa án nghe và cam kết đó là giọng nói của chị T chứ không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định*) nên không có cơ sở xem xét, không làm rõ được việc tài sản để gán lại số nợ cho chị T.

Các tài liệu trong hồ sơ xác định chị Hoàng Thị T và anh P không có quan hệ vợ chồng hay họ hàng thân thích gì, anh P, anh L và một số anh em là trong Hội cùng buôn bán bất động sản với nhau, việc chuyển nhượng 4 lô đất cho anh P không có tài liệu chứng cứ nào xác định có liên quan đến khoản nợ 2.550.000.000 đồng mà anh L mượn của chị T.

Tại giai đoạn phúc thẩm, đại diện bị đơn cũng không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ gì nên không có cơ sở xem xét. Do đó không có cơ sở xác định có sự cản trở nợ trong khoản vay anh L nợ chị T 2.550.000.000 đồng, nên cần buộc anh L phải trả nợ cho chị T toàn bộ số nợ trên.

[3]. Án phí dân sự phúc thẩm: kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên cần buộc bị đơn phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: anh Nguyễn Văn L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn theo biên lai số 31AA/2021/0003667 ngày 16/10/2023.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (17/01/2024).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS TX Ba Đồn;
- TAND TX Ba Đồn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Hoàng Thị Thanh Nhàn